

PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ: TRIỂN VỌNG VÀ THÁCH THỨC

PGS.TS. Đào Thị Ái Thi
Trưởng Quản lý Khoa học và Công nghệ

Tóm tắt:

Mọi ý tưởng chính sách đều bắt nguồn từ tư duy của con người đồng thời nó đều được đúc rút từ thực tiễn, thể hiện, thúc đẩy và giải quyết vấn đề thực tiễn. Bài viết này không nhằm vào phân tích các chính sách hiện có cũng như sự tác động của nó đến hiệu quả kinh tế - xã hội của Việt Nam hiện nay. Mục đích bài viết chỉ tập trung nghiên cứu một số vấn đề cơ bản nhằm vào những nội dung chính sau: (1) Sơ lược về tầm quan trọng của phân tích chính sách khoa học và công nghệ (KH&CN); (2) Lý giải các loại tư duy và ảnh hưởng tác động của các loại tư duy đó trong phân tích chính sách KH&CN ở Việt Nam; (3) Phân tích tồn tại của nền KH&CN Việt Nam một cách chung nhất; (4) Triển vọng và thách thức cho phát triển KH&CN của Việt Nam.

Từ khóa: Chính sách KH&CN; Phân tích chính sách.

Mã số: 13090303

1. Tại sao phải phân tích chính sách khoa học và công nghệ?

Phân tích chính sách KH&CN trong điều kiện thực tiễn của KH&CN Việt Nam hiện nay, cho chúng ta thấy “cái nền” mà KH&CN Việt Nam đang đứng cao hay là thấp? bền vững hay lung lay? Là bài toán cho các nhà hoạch định chính sách Việt Nam thấy rõ tầm quan trọng của năng lực phân tích chính sách KH&CN hiện nay.

Phân tích chính sách KH&CN để hoạch định, ban hành, thực thi và đánh giá hiệu quả chính sách. Phân tích chính sách để chỉ ra tồn tại đã có, đang có và sẽ có để từ đó biết “cái nền” KH&CN chúng ta đã đứng, đang đứng và sẽ đứng của quá khứ, hiện tại và tương lai, nhận biết được các vấn đề của chính sách KH&CN hiện hành và nhu cầu phải đổi mới chính sách KH&CN. Đặc biệt, phân tích chính sách nhằm chỉ ra triển vọng và thách thức mà các nhà hoạch định chính sách KH&CN Việt Nam sẽ phải đón nhận và phải đối mặt.

Phân tích chính sách KH&CN là đưa ra lý giải các vấn đề có tính tích cực, tiêu cực, cái lợi, cái hại của vấn đề để từ đó lựa chọn phương án tối ưu làm cơ sở cho ban hành chính sách hiệu quả trên thực tiễn.

Phân tích chính sách KH&CN để lập kế hoạch và xây dựng một chính sách mang tầm chiến lược phát triển KH&CN quốc gia, đồng thời cũng như lập

kế hoạch và xây dựng các chính sách cụ thể cho từng lĩnh vực có tính đặc thù, mũi nhọn và then chốt.

Phân tích chính sách KH&CN để hoạch định, ban hành và triển khai chính sách một cách khoa học, lường trước được cái lợi, cái hại để lựa chọn chính sách phù hợp. Việc xây dựng “chiến lược”, “chương trình” hay “tầm nhìn” cho phát triển KH&CN còn thiếu sự phân tích một cách đúng đắn từ đó dẫn đến thiếu sự quy hoạch bài bản khoa học cho các chính sách này.

Phân tích chính sách KH&CN để xây dựng chiến lược phát triển KH&CN gồm các vấn đề:

(1) Đánh giá đúng thực trạng và phân tích các vấn đề nổi cộm của nền KH&CN Việt Nam.

(2) Xác định đúng mục tiêu, yêu cầu đổi mới phát triển KH&CN của Việt Nam trong một thời gian nhất định ví dụ như trong “chiến lược 10 năm”, “chương trình 15 năm”,...

(3) Lựa chọn ưu tiên những lĩnh vực KH&CN mũi nhọn, có tính đột phá; lựa chọn phương hướng, các nguồn lực và các biện pháp phát triển KH&CN.

(4) Học hỏi, tiếp thu, áp dụng các mô hình KH&CN tiên tiến của thế giới.

(5) Thiết lập các điều kiện thuận lợi cho các nhà KH&CN Việt Nam hoạt động sáng tạo, phát huy hết khả năng của mình tham gia vào nền KH&CN hiện đại của thế giới, giao lưu và hội nhập quốc tế.

(6) Đưa ra các chính sách thu hút và trọng dụng nhân tài KH&CN, xây dựng đội ngũ các nhà khoa học giỏi, có nhiều công trình sáng tạo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

(7) Hoàn thiện các tổ chức KH&CN trong mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước.

Có thể nói phân tích chính sách KH&CN là chỉ ra bản chất cội nguồn bên trong và bản chất của sự kết hợp, tác động qua lại của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội liên quan đến vấn đề chính sách. Phân tích chính sách nhằm chỉ ra được các vấn đề quan liêu, tham nhũng và các động cơ khác của chính sách KH&CN đứng dưới góc độ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội,... Đồng thời phân tích chính sách để nắm rõ các thế chiều sự vận động của các qui luật tự nhiên và xã hội để các nhà chính sách KH&CN hiểu và hành động hợp với qui luật, không đi ngược lại qui luật.

Về bản chất chính sách KH&CN quyết định chính sách giáo dục và đào tạo. KH&CN cũng như giáo dục và đào tạo đều do nhu cầu của cuộc sống và khả năng của quốc gia quyết định. Chính vì vậy, phân tích chính sách

KH&CN là chìa khóa để mở cánh cửa KH&CN ở mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng...

2. Một số vấn đề đổi mới tư duy trong phân tích chính sách khoa học và công nghệ

Năng lực tư duy của con người vô cùng kỳ diệu, KH&CN có phát triển được hay không phụ thuộc vào một chính sách đúng đắn, phù hợp. Một chính sách có đúng đắn, phù hợp hay không phụ thuộc vào năng lực tư duy của các nhà phân tích và lựa chọn chính sách. Để phân tích chính sách KH&CN một cách hiệu quả phụ thuộc rất nhiều vào năng lực tư duy của con người.

Khía cạnh tư duy của con người được chia làm 5 phương diện:

Một là, tư duy phản ánh thiên về tính pháp lý

Tư duy pháp lý đó là tư duy con số, sự kiện một cách chính xác, không mang ý chí chủ quan trong việc phân tích chính sách KH&CN. Với khía cạnh tư duy này đã đề cao lý trí, coi trọng nguyên tắc, tôn trọng công lý. Phát triển tư duy theo xu hướng pháp lý giúp cho việc phân tích chính sách KH&CN đúng đắn, chính xác, nghiêm túc, có kỷ cương. Tuy nhiên, thực tế chính sách không phải lúc nào cũng có một đáp số đúng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy “đĩ bất biến, ứng vạn biến”, đối với loại tư duy này khi phân tích chính sách cần đặt chúng cho thích hợp ở mỗi giai đoạn lịch sử, tránh cứng nhắc trong việc phân tích và lựa chọn chính sách.

Hai là, tư duy phản ánh thiên về tình cảm chủ quan

Tư duy chủ quan trong phân tích chính sách KH&CN thường dựa vào cảm tính của cá nhân. Xu hướng cảm tính trong tìm kiếm thông tin, phân tích thông tin, đánh giá thông tin thường nặng về đại khái, qua loa, tư duy và nhận định tùy hứng, thiếu căn cứ thực tiễn, cơ sở khoa học trong việc phân tích và lựa chọn chính sách KH&CN. Với kiểu tư duy này trong phân tích chính sách KH&CN dẫn đến thiếu chính xác, nhiều kẽ hở, tạo thuận lợi cho việc làm bừa, làm ẩu, gây hậu quả nghiêm trọng, thiếu biện pháp xử lý nghiêm minh, thiếu rõ ràng, minh bạch, làm hạn chế phần nào các tiềm lực nhân tài của hoạt động quản lý nói chung và hoạt động KH&CN nói riêng.

Tư duy nể nang, chạy theo hình thức, dễ dẫn đến nhận định chung chung, không rõ ràng, khó xác định những ưu điểm và hạn chế của chính sách để qui trách nhiệm, thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ trong hoạt động KH&CN. Hậu quả là phân tích chính sách KH&CN thiếu căn cứ khoa học và thực tiễn, làm giảm hiệu quả các nguồn lực KH&CN, dẫn đến các nhà khoa học rớt xuất hiện, người nhận bằng cấp không tương xứng với năng lực, các

công trình nghiên cứu khoa học mang tính hình thức... KH&CN không giải quyết được các vấn đề của đời sống kinh tế - xã hội dẫn đến khó phân biệt giữa đúng - sai, phải - trái, thật - giả... Việc phân tích chính sách và lựa chọn chính sách bằng tư duy cảm tính dẫn đến thang giá trị bị đảo lộn, chính sách KH&CN không đi vào thực tiễn, không đem lại hiệu quả thực tế.

Ba là, tư duy mang tính phản biện, phê phán

Với loại tư duy này trong phân tích và lựa chọn chính sách KH&CN chỉ nhìn thấy hạn chế, thiếu sót, sai lầm của chính sách để phê bình, khiển trách, rơi vào cực đoan, thiếu biện pháp động viên, khuyến khích, thúc đẩy trong việc nhìn nhận và phát hiện vấn đề.

Thực tế ở nước ta, khi đổi mới cơ chế thành công từ năm 1986, xuất hiện khá nhiều tư duy mang tính phản biện, phê phán. Điều này góp phần làm cho đất nước đổi mới nhanh hơn nhưng cũng góp phần tạo nên cách nhìn cực đoan của một số nhà phân tích và ban hành chính sách, thay đổi nhưng không bám sát vào đặc thù văn hóa Phương Đông của người Việt Nam dẫn đến việc ban hành chính sách KH&CN ở một số lĩnh vực chưa phù hợp, không tạo được động lực cho các nhà khoa học, các doanh nghiệp nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến. Tình trạng “chảy máu chất xám”, hiệu quả của nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ chưa cao là hệ quả của một chính sách chưa khoa học và chưa thích hợp.

Bốn là, tư duy mang tính lạc quan, gợi mở, chỉ ra điểm mới, khuyến khích sự sáng tạo, phát hiện, phát minh, sáng chế

Là tư duy trong phân tích, lựa chọn chính sách KH&CN luôn khai thác mặt tốt, ưu điểm của vấn đề để lựa chọn ban hành chính sách có tính khuyến khích, động viên kịp thời trong hoạt động KH&CN. Ví dụ như khuyến khích các nhà nghiên cứu khoa học bằng cách giảm bớt hành chính hóa hoạt động KH&CN, có những chính sách ưu đãi đặc biệt với các công trình khoa học tiêu biểu, những phát minh, sáng chế xuất sắc.

Loại tư duy này mang tính nhân văn cao, thường coi trọng khen thưởng, khuyến khích động viên con người. Việc phân tích và lựa chọn chính sách quan tâm nhiều đến lợi ích và trách nhiệm cá nhân. Trong phân tích và lựa chọn chính sách rất cần có năng lực tư duy này thì hoạt động KH&CN mới có hiệu quả trên thực tiễn.

Năm là, tư duy mang tính khách quan, định hướng và điều khiển hành động

Trong tư duy của nhà phân tích và lựa chọn chính sách KH&CN vừa phân vai, vừa tổng hợp để đưa ra quyết định đúng đắn nhất. Tư duy nắm bắt qui luật vận động tất yếu khách quan của đời sống kinh tế - xã hội, qui luật tự nhiên, xã hội và qui luật tâm lý tình cảm của con người để phân tích và lựa chọn chính sách một cách hiệu quả nhất. Việc tôn trọng qui luật khách quan trong phân tích chính sách KH&CN giúp cho việc lý giải, phân tích, tìm ra hướng đi mới, cải tạo qui luật, không đi ngược lại qui luật tất yếu khách quan.

Tư duy khách quan giúp cho phân tích và lựa chọn chính sách KH&CN đúng đắn, phù hợp với thực tế. Ví dụ, cơ chế kế hoạch - tập trung là phù hợp trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc, nhưng không phù hợp trong xây dựng đất nước, đặc biệt trong phát triển KH&CN. Với lẽ đó, người có tư duy khoa học sẽ kịp thời đổi mới cơ chế cho phù hợp với qui luật tất yếu khách quan. Thực tế sau năm 1975, tư duy trong việc đưa ra cơ chế chính sách là chưa phù hợp với thực tế khách quan, vì vậy Việt Nam tụt hậu là tất yếu. Sau năm 1986, việc phát triển tư duy để đổi mới cơ chế chính sách từ kế hoạch - tập trung sang cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, từ quan liêu - bao cấp sang cơ chế khoán, cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đã giúp cho nền kinh tế đất nước khởi sắc, tạo động lực cho KH&CN phát triển.

Tư duy khách quan là phương diện tư duy có tính then chốt trong việc phân tích và lựa chọn chính sách KH&CN, trong việc kết hợp hài hòa với bốn loại tư duy kể trên.

Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/04/2012 phê duyệt Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011 - 2020 bao gồm một số nội dung chính như: Quan điểm phát triển KH&CN; Mục tiêu phát triển KH&CN; Định hướng nhiệm vụ phát triển KH&CN và Giải pháp chủ yếu. Bộ KH&CN đã tổ chức Hội nghị toàn quốc để triển khai Chiến lược. Luật KH&CN sửa đổi năm 2013 ra đời thay thế cho Luật KH&CN năm 2000 cho thấy kết quả của một quá trình phân tích chính sách nghiêm túc và khá khách quan trong tư duy đổi mới.

Có thể nói, đây là các văn bản có chứa đựng giá trị tư duy nghiêm túc, với một tư duy mới đã cập nhật trình độ phát triển của thế giới văn minh, cải tiến cách quản lý nghiên cứu khoa học, đặc biệt đã chỉ ra sự gắn kết giữa khoa học tự nhiên và khoa học xã hội để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

vùng và các địa phương từ những mô hình của các nước tiên tiến, đây là triển vọng mà Việt Nam đang cố gắng đạt được trong tương lai.

3. Nền khoa học và công nghệ Việt Nam đang đứng ở đâu? Triển vọng và thách thức

3.1. Nền khoa học và công nghệ Việt Nam đang đứng ở đâu?

Nói đến “nền” là nói đến sự vững chãi, chắc chắn - một nền tảng có tính bền vững - một điểm tựa cho KH&CN tồn tại - đứng vững, duy trì - nuôi dưỡng, thúc đẩy - phát triển. Chúng ta hay nói nền kinh tế, nền văn hóa, nền nông nghiệp... phải chăng nền KH&CN chính là chìa khóa để mở cánh cửa nền của các lĩnh vực khác? Điều này đã được minh chứng trong các giai đoạn phát triển của các nền văn minh nhân loại.

Thành tựu KH&CN ở mỗi giai đoạn lịch sử được đánh dấu bởi các mốc phát triển của các nền văn minh khác nhau. Khi nền văn hóa lúa nước phát triển cũng là lúc bắt đầu sự hình thành của nền văn minh nông nghiệp. Nền văn minh nông nghiệp nó tồn tại dai dẳng trong lịch sử loài người, đặc biệt là ở Việt Nam.

Nền văn minh nông nghiệp được biểu hiện với ba đặc trưng cơ bản: (1) Sự tồn tại của văn hóa lúa nước; (2) Trồng trọt, chăn nuôi là phổ biến; (3) Thủ công, lạc hậu, “con trâu đi trước cái bừa theo sau”.

Thuật ngữ “nền” của cái gọi là “văn minh nông nghiệp” bao gồm các yếu tố cấu thành có tính chất nền tảng như:

- 1) Cơ chế chính sách mang nặng tính chủ quan, duy ý chí, ban hành theo chủ nghĩa kinh nghiệm, thiếu cơ sở khoa học.
- 2) Tổ chức làng xã khép kín, hướng nội, ít khám phá, ít đổi mới.
- 3) Con người còn phổ biến tâm lý nông dân, tư hữu, tư duy manh mún, tầm nhìn hạn hẹp, co cụm, lợi ích nhóm, luôn đặt câu hỏi “ta là ai? trên cơ sở lấy cộng đồng làm trung tâm”, tìm kiếm thỏa mãn nhu cầu cá nhân hay hô khẩu hiệu cộng đồng, nên trách nhiệm cá nhân không rõ, ít chịu trách nhiệm cá nhân hay đổ vấy cho cộng đồng...
- 4) Điều kiện vật chất nghèo nàn thô sơ, hạ tầng cơ sở thiếu quy hoạch đồng bộ, xây dựng chắp vá, vụn vặt...

Với bốn yếu tố cấu thành “nền” văn minh nông nghiệp còn nhiều hạn chế như kể trên, cho thấy sự nghèo nàn của tri thức khoa học hiện đại và sự thiếu hụt của công nghệ tiên tiến phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng.

Sự xuất hiện máy hơi nước của James Watt, khởi đầu cho một thành tựu KH&CN mới của nền văn minh công nghiệp với những đặc trưng cơ bản sau: (1) Sự tồn tại của văn hóa công nghiệp với phong trào đô thị hóa; (2) Sản xuất công nghiệp là chủ yếu; (3) Sự xuất hiện của các loại máy móc như máy cày, máy gặt, máy đập... thay cho “con trâu đi trước, cái bừa theo sau”...

Với ba đặc trưng cơ bản đó nền văn minh công nghiệp được cấu thành bởi các yếu tố:

- 1) Cơ chế chính sách hướng đến lợi ích công và phúc lợi xã hội, ban hành dựa trên tri thức khoa học hợp với qui luật khách quan.
- 2) Tổ chức thống nhất, phát triển đô thị cởi mở, hướng ngoại và khoa học - kỹ thuật phát triển đến đỉnh cao.
- 3) Con người nhanh nhẹn, tính tuân thủ và kỷ luật cao.
- 4) Điều kiện vật chất phát triển, phương tiện kỹ thuật hiện đại, hạ tầng cơ sở xây dựng thống nhất đồng bộ, qui mô hiện đại...

Nền văn minh trí tuệ với những đặc trưng cơ bản như: (1) Tri thức toàn cầu, công nghệ cao, kinh tế tri thức phát triển, giá trị cá nhân ngày càng được khẳng định, tiềm năng cá nhân được phát huy, trách nhiệm cá nhân rõ nét; (2) Thị trường KH&CN mở rộng, linh hoạt, sáng tạo, đổi mới; (3) Tri thức khoa học và tri thức kinh nghiệm kết hợp nhuần nhuyễn tạo ra năng suất hiệu quả cao...

Nền văn minh trí tuệ được cấu thành bởi các yếu tố sau:

- 1) Cơ chế chính sách hướng đến hệ thống giá trị toàn diện, tạo cơ hội phát triển và chuyển giao công nghệ toàn cầu.
- 2) Tổ chức đa dạng với thế giới phẳng và xã hội hóa KH&CN tối ưu.
- 3) Con người và sức lao động được giải phóng, thủ tiêu mọi sự kìm hãm.
- 4) Điều kiện vật chất bền vững, phần mềm của công nghệ phát triển, sản phẩm trí tuệ được coi trọng, phát triển bền vững...

Nghiên cứu ba nền văn minh lớn của loài người, soi vào thực tiễn Việt Nam để xem KH&CN Việt Nam đang ở nền văn minh nào và chịu ảnh hưởng của nền văn minh nào? Nền KH&CN Việt Nam chưa mấy trỗi dậy bởi sự tồn tại lâu dài và dai dẳng của nền văn minh nông nghiệp, văn hóa lúa nước. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vẫn mang nặng tính tiểu nông, manh mún, vụn vặt, hình thức và chấp vá. KH&CN Việt Nam chưa bút phá khỏi những rào cản về nhận thức, thái độ, hành vi hành chính quan liêu, bao

cấp, hay nói cách khác KH&CN nước nhà vẫn đang bị “hành chính hóa”, “quan liêu hóa” trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Biểu hiện của hành chính hóa và quan liêu hóa là đánh đồng khoa học với quyền lực, nghĩa là người nào có chức quyền cao thì người đó được chỉ huy về lĩnh vực khoa học trong tổ chức đó. Đồng thời, kết quả nghiên cứu được đánh giá bằng số lượng trang, dòng, chuyên đề và những thủ tục hành chính cần phải hoàn thiện. Hậu quả của hành chính hóa, quan liêu hóa là hậu quả của việc thiếu vắng một khoa học phân tích chính sách KH&CN hoàn hảo.

Mặt khác, người ta hay có thói quen làm theo chủ nghĩa kinh nghiệm hay nói cách khác là “nông dân hóa” mọi hoạt động KH&CN. Có nghĩa là sự đam mê nghiên cứu khoa học với tư cách của các chuyên gia, bác học, trí thức đâu đó còn tồn tại rất ít, nhường chỗ cho sự đam mê lợi ích, tiền bạc có được bao nhiêu từ các thành quả nghiên cứu đã bị “hành chính hóa” đó. Nếu ai thực sự có đam mê khoa học, có dấu hiệu của các nhà bác học, chuyên gia thực thụ thì họ vô tình bị nền hành chính quan liêu cản trở, làm họ mất đi động lực và cảm xúc sáng tạo bởi họ cũng không tránh khỏi “tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội” của họ. Hậu quả của nền KH&CN này là hậu quả của những chính sách bất hợp lý, xa rời thực tiễn - một trong những chân kiềng vững chắc xây nên “nền” KH&CN của nước nhà.

Nền KH&CN bị “nông dân hóa” có nghĩa là nghiên cứu khoa học được gắn với chủ nghĩa kinh nghiệm, chủ nghĩa hình thức, gắn với lợi ích cá nhân và lợi ích nhóm, với sự đơn giản, hời hợt, cả nể trong đánh giá kết quả nghiên cứu.

Từ “hành chính hóa, quan liêu hóa, nông dân hóa” dẫn đến một nền KH&CN thiếu vắng cơ bản những tri thức khoa học thực sự, những nghiên cứu khoa học có tính đột phá (nhất là trong lĩnh vực khoa học chính sách công, hành chính công) để thực sự chính sách đó có thể cõi trời cho người lao động dù đó là trí thức, công nhân hay nông dân; cõi trời cho những phong tục tập quán khép kín, bảo thủ, lạc hậu, chậm đổi mới, thiếu chuẩn mực, thiếu tôn trọng giá trị sáng tạo... đã bủa vây và đeo đẳng trói buộc con người Việt Nam hàng trăm năm.

Có thể nói, với một vài đặc trưng cơ bản của KH&CN Việt Nam đã qui định nên “nền” KH&CN Việt Nam một điểm tựa chưa mấy bền vững, đã pha trộn hóa chất chưa mấy phù hợp để “trời tắm” cũng như việc “trời tắm” cũng chưa mấy đúng cách. Nền tảng chưa mấy vững chắc, chưa mấy phù hợp đó phần nhiều thuộc về thể chế, chính sách trong lĩnh vực KH&CN. Hơn nữa thể chế, chính sách đó đi từ đâu đến? chúng không rơi từ trên trời xuống, chúng cũng chẳng từ dưới đất chui lên mà nó là sản phẩm của con người. Cụ thể hơn chúng là sản phẩm của tư duy của người có thẩm quyền

sản xuất ra chúng. Vì vậy đây là một thách thức vô cùng lớn cho nền KH&CN Việt Nam.

3.2. Triển vọng của nền khoa học và công nghệ của Việt Nam là gì?

Không có một chính sách nào tuyệt đối để áp dụng cho tất cả các giai đoạn lịch sử, điều quan trọng là các nhà phân tích chính sách cần có tư duy phù hợp với từng giai đoạn lịch sử đó. Chưa thể có công nghiệp hóa, hiện đại hóa khi tư duy của con người vẫn mang nặng tính tiểu nông, manh mún, vụn vặt. Chưa thể có nền KH&CN tiên tiến khi chúng ta còn nặng tư duy của nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu. Chúng ta cũng khó bước vào nền văn minh công nghiệp và nền văn minh trí tuệ khi xã hội chúng ta còn tồn tại dai dẳng nền văn hóa lúa nước, nền văn minh nông nghiệp và chưa bút phá đổi mới sáng tạo. Chính vì vậy luôn đổi mới tư duy cho phù hợp với từng thời điểm lịch sử nhất định là đáp ứng cho nhu cầu của tương lai.

Triển vọng KH&CN của Việt Nam là gì? Phải chăng nó vẫn đang ở dạng tiềm năng. Nước ta “rừng vàng, biển bạc, đất phì nhiêu”, con người thông minh cần cù, chịu khó, ham học hỏi.

Tuy nhiên, vấn đề này đã có dấu hiệu của sự đổi mới bắt đầu từ năm 2011, Việt Nam đã đổi mới chính sách mang tính đột phá với việc ra đời của Chương trình Đổi mới công nghệ Quốc gia năm 2011, Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011-2020 và Luật KH&CN sửa đổi năm 2013.

3.3. Thách thức cho sự phát triển của nền khoa học và công nghệ Việt Nam

Nền KH&CN Việt Nam đang đứng trước nhiều thời cơ, vận hội cũng như nhiều khó khăn, thách thức bởi nó đang muốn bước chân vào “nền văn minh công nghiệp”, nơi mà các nước hiện đại trên thế giới đã có trong hơn một thế kỷ qua, trong khi KH&CN của chúng ta còn đang thiếu đi một “nền chính sách” cơ bản, làm điểm tựa cho sự phát triển của hiện tại và hướng tới tương lai mà Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đã chỉ ra Việt Nam cơ bản đến năm 2020 sẽ trở thành nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Điều này cũng đặt ra cho các nhà phân tích chính sách KH&CN nhiều trăn trở, liệu rằng họ có đủ khả năng, năng lực phân tích và lựa chọn chính sách KH&CN một cách hợp lý nhất hay không.

Làm thế nào để biết được KH&CN đang ở đâu và muốn đi đến đâu? Đây là cả một quá trình theo dõi, giám sát, đánh giá chính sách KH&CN trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Thách thức là chưa có hệ chỉ số rõ ràng cho sự đánh giá mà vẫn thiên lệch trong góc nhìn tư duy cảm tính. Không những thiên lệch trong tư duy mà còn thiên lệch trong cảm xúc, đó là những giá trị khó đo lường mà chỉ có cảm nhận rằng dường như các nhà hoạch định chính

sách KH&CN còn một đôi chỗ nào đó rất “vô cảm” trong ban hành chính sách nhiều năm qua. Sự “vô cảm” ở đây là sự quan liêu, xa rời thực tiễn, không phân tích chính sách mà đã ban hành chính sách.

Các nguồn lực KH&CN vẫn đang ở dạng tiềm năng bởi nhiều năm qua chính sách KH&CN bị “quan liêu hóa, hành chính hóa, nông dân hóa...”, nên những tiềm năng đó chưa có môi trường nuôi dưỡng và phát triển, đặc biệt là tiềm năng về nguồn nhân lực KH&CN, hiện tượng “chảy máu chất xám” là thách thức vô cùng lớn đối với nền KH&CN Việt Nam.

Chính vì vậy, phân tích chính sách KH&CN là công việc vô cùng quan trọng cho khởi đầu của một qui trình chính sách KH&CN, đồng thời cũng là điểm kết thúc của qui trình đó. Triển vọng và thách thức của KH&CN Việt Nam đặt ra bài toán khó cho phân tích chính sách KH&CN rằng: không phải ai cũng đủ năng lực để nhìn thấy triển vọng và đón nhận bằng cả cái tâm và cái tầm của nhà ban hành chính sách. Đồng thời không phải ai cũng thấy được thách thức để đủ sức đổi mới và vượt qua sự cám dỗ của những giá trị tầm thường và những lợi ích nhỏ nhen và ích kỷ. KH&CN tiên tiến không có chỗ cho sự nhỏ nhen, ích kỷ, càng không có chỗ cho một chính sách bảo thủ, lạc hậu, tham nhũng, lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm và những thứ giáo điều và quan liêu.

Tóm lại, triển vọng của nền KH&CN Việt Nam luôn đi liền với những thách thức mà do chính sách KH&CN quyết định. Chính sách có thể tạo môi trường, tạo động lực, tạo nhựa sống, tạo hành lang pháp lý cho KH&CN tồn tại và phát triển, đồng thời cũng có thể là môi trường chết cứng, vật cản ghê gớm, làm thui chột đi nhựa sống của các nguồn lực KH&CN Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Khoa học và Công nghệ năm 2000.
2. Luật Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung năm 2005.
3. Luật Khoa học và Công nghệ sửa đổi năm 2013.
4. Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020.
5. Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020.